TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ
THƯƠNG HIỆU & CÔNG LUẬN

Gạo xuất khẩu giá tốt vì Việt Nam nhiều giống lúa mới, chất lượng và có nhiều thị trường lựa chọn

07:55 05/12/2022

Không chỉ gạo trắng, các loại gạo thơm, gạo Japonica… cũng nhận được nhiều đơn hàng xuất khẩu với giá tốt. Vì, Việt Nam đang phát triển nhiều giống lúa mới, nâng cao quy trình sản xuất, lượng gạo tươi mới nên được nhiều thị trường lựa chọn.

Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam, giá chào bán gạo xuất khẩu 5% tấm đang ở mức 438 USD/tấn; gạo 25% tấm ở mức 418 USD/tấn. Với mức giá này, hiện giá gạo Việt Nam tiếp tục duy trì đà dẫn đầu thế giới.



Gạo xuất khẩu giá tốt vì Việt Nam nhiều giống lúa mới, chất lượng và có nhiều thị trường lựa chọn. Ảnh internet.

Ông Phạm Thái Bình, Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp công nghệ cao Trung An cho biết, Việt Nam đang phát triển nhiều giống lúa mới, nâng cao quy trình sản xuất, lượng gạo tươi mới cao hơn gạo Thái Lan cùng chủng loại nên

được nhiều thị trường lựa chọn. Bản thân công ty của ông cũng đã ký được nhiều đơn hàng xuất khẩu cho đầu năm sau sang Châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc hay Singapore.

"Giá xuất khẩu gạo các hợp đồng mới đều khá cao, thậm chí còn cao hơn mức giá trung bình xuất khẩu thực tế của Việt Nam. Như gạo 5% tấm xuất sang Hàn Quốc với giá 467 USD/tấn. Giá tấm xuất khẩu sang Singapore cũng cao hơn giá xuất khẩu trung bình của loại gạo 5% tấm khoảng 20 USD", ông Bình chia sẻ.

Không chỉ gạo trắng, các loại gạo thơm, gạo Japonica… cũng nhận được nhiều đơn hàng xuất khẩu với giá tốt. Hiện giá gạo thơm xuất khẩu cho khách Trung Đông, Châu Âu… lên tới 600 USD/tấn, riêng loại gạo Japonica giá cao hơn khoảng 700 USD/tấn.

Bảng giá lúa gạo hôm nay 05/12

Chủng loại lúa/gạo	Đơn vị tính	Giá mua của thương lái (đồng)	Tăng/giảm so với hôm qua (đồng)
Đài thơm 8	kg	6.800 – 6.900	-
OM 18	Kg	6.700 – 7.000	-
Nàng hoa 9	Kg	6.900 – 7.200	-
IR 504	Kg	6.200 – 6.300	-
OM 5451	Kg	6.600 – 6.800	-
Nếp An Giang (tươi)	Kg	7.400 - 7.600	-
Nếp Long An (tươi)	Kg	7.900 - 8.100	-
Nếp Long An (khô)	Kg	9.000 - 9.200	-

Nếp An Giang (khô)	Kg	8.400 - 8.500	-
Gạo nguyên liệu IR 504	Kg	9.400	-
Gạo thành phẩm IR 504	Kg	10.200	-
Tấm khô IR 504	kg	9.600	-
Cám khô IR 504	kg	8.600	-

Hải Dương (t/h)